TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A– THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2025
V/v: *Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Giáp và ông Lý Văn Thâm

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực A – Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Mã Ngọc Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A, Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Ma Thị Thu Th1, sinh năm 1983; trú tại: Thôn T, xã Y, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

* *Bị đơn:* Anh Đồng Phúc Th2, sinh năm 1980; trú tại Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là Khu C, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng Nguyên đơn (chị Ma Thị Thu Th1 trình bày) trình bày:*

Về tình cảm: Chị Ma Thị Thu Th1 và anh Đồng Phúc Th2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là xã B, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 12/11/2021. Anh chị có quá trình tìm hiểu nhau trước và đi đến hôn nhân, việc kết hôn do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị Th1 và anh Th2 đăng ký thường trú sinh sống tại khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là Khu C, xã B,

tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình chung sống, do chị Th1 làm việc xa nhà và giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Th2 không quan tâm giúp đỡ chị Th1 và con. Nay chị Th1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ giữa năm 2023 đến nay, nên chị Th1 đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đồng Phúc Th1.

Về con chung: Chị Th1 và anh Đồng Phúc Th2 có 01 người con chung tên là Đồng Hải A, sinh ngày 11/4/2023. Do từ khi vợ chồng sống ly thân cháu A đã sống cùng chị Th1, còn anh Th2 không hỗ trợ chị Th1 việc chăm sóc, nuôi dưỡng con nên khi ly hôn, chị Th1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và xin rút toàn bộ yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đồ dùng sinh hoạt chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa Bị đơn (anh Đồng Phúc Th2) được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lời khai tại Tòa án*

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập, niêm yết công khai đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147, khoản Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị Thu Th1:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Thu Th1 được ly hôn anh Đồng Phúc Th2.

Về nuôi con chung: Giao một người con chung là cháu Đồng Hải A, sinh ngày 11/4/2023 cho chị Ma Thị Thu Th1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th1 xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của chị Th1 về khoản tiền cấp dưỡng không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung và đồ sùng sinh hoạt chung: Chị Th1 xác nhận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Th1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm của vụ án hôn nhân và gia đình sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn, bị đơn đều có đăng ký thường trú tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Ngày 17/4/2025, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là Tòa án nhân dân khu vực A –Thái Nguyên thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành gửi, giao và niêm yết các văn bản tố tụng theo các Điều 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không lấy được lời khai của bị đơn, không hoà giải được là do bị đơn vắng mặt tại địa phương không hợp tác. Qua xác minh tại gia đình và địa phương thấy tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án anh Th2 vẫn sinh sống tại địa phương, gia đình và anh Th2 đều biết được thông tin về chị Ma Thị Thu Th1 đang có đơn khởi kiện giải quyết việc ly hôn với anh Đồng Phúc Th2 tại Tòa án. Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật. Do bị đơn không có mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Thu Th1 và anh Đồng Phúc Th2 có hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 12/11/2021 nay là xã B, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn anh chị đã có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, kể từ đầu năm 2023 vợ chồng anh chị hay xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân là do anh Th2 không tu chí làm ăn, không giúp đỡ quan tâm vợ và con đến giữa năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng nên chị Th1 đã đưa con về sống cùng bố mẹ đẻ tại xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn T, xã Y, tỉnh Thái Nguyên và sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau.

Điều 56. Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được".

Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2025 Công an xã B, huyện N cho biết: Anh Đồng Phúc Th2 và chị Ma Thị Thu Th1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương; Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2025, ông Đồng Phúc Th3 (anh trai anh Th2) cung cấp thông tin: Việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th1 và anh Th2 là có thực tế, anh Th2 có sử dụng ma túy, không quan tâm đến vợ con, anh Th3 cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn được nếu anh Th2 không thay đổi, ngày 28/4/2025 anh Th2 đi khỏi địa phương không liên lạc được. Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2025, trưởng thôn Khu C, xã B, huyện N (nay là xã B, tỉnh Thái Nguyên) cung cấp: Quá trình chung sống chị Th1 và anh Th2 xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh Th2 không tu chí làm ăn, từ khi biết anh Th2 nghiện ma túy chị Th1 đã không còn về thăm anh Th2 nữa. Kể năm 2023 đến nay không thấy chị Th1 có mặt tại địa phương.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống, kết hôn từ năm 2021 đến năm 2023, do anh Th2 không tu chí làm ăn, không giúp đỡ quan tâm vợ và con nên giữa hai vợ chồng hay xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, sự việc nghiêm trọng đã được gia đình can thiệp, nhắc nhở nhưng anh Th2 không thay đổi, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc chị Th1 đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ giữa năm 2023 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th1 và anh Th2 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng đoàn tụ, do vậy, việc chị Th1 đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn là có căn cứ cần được xem xét chấp nhận.

Về nuôi con chung: Chị Th1 và anh Th2 có 01 người con chung tên là Đồng Hải A, sinh ngày 11/4/2023, khi ly hôn chị Th1 có nguyện vọng là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Th1 xin rút toàn bộ yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Yêu cầu của chị Th1 là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật nên cần được chấp nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này của chị Th1.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2025, bà Ma Thị H (mẹ đẻ chị Th1) cung cấp: Chị Th1 hiện nay đang làm công chức xã tại địa phương có thu nhập khoảng 12.000.000đồng đến 13.000.000đồng/tháng, hiện chị Th1 và con đang ở cùng gia đình bà, nếu chị Th1 ly hôn bà sẽ đón hai mẹ con chị Th1 về chung sống cùng gia đình, nếu chị Th1 muốn làm nhà ra ở riêng thì gia đình sẽ cho chị Th1 một mảnh đất gần nhà để chị Th1 tự làm nhà ở, bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ các điều kiện ăn ở sinh hoạt, trông nom, chăm sóc cho con của chị Th1.

Xét điều kiện thực tế hiện nay của chị Th1, Hội đồng xét xử thấy sau khi vợ chồng sống ly thân anh Th1 không quan tâm chăm sóc đến con chung, cháu Đồng Hải A hiện nay dưới 36 tháng tuổi, để bảo đảm sự phát triển của con chung được ổn định cần tiếp tục giao con chung cho chị Th1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Anh Th2 có quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung và đồ sùng sinh hoạt chung: Chị Th1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Th1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện việc ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn chị Ma Thị Thu Th1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Thu Th1 được ly hôn anh Đồng Phúc Th2.

2. Về con chung: Giao một người con chung là Đồng Hải A, sinh ngày 11/4/2023, cho chị Ma Thị Thu Th1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Đồng Phúc Th2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, đồ dung sinh hoạt chung: Chị Ma Thị Thu Th1 không yêu cầu nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Chị Ma Thị Thu Th1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của vụ án hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Th1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002559 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là Phòng Thi án dân sự khu vực A - Thái Nguyên. Chị Th1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực A, Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực A, Thái Nguyên;
- UBND B, Thái Nguyên
  (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hiến Công Hanh